



# **CÔNG TY TNHH MTV SƠN HẢI ÂU**

Nhà máy : KP7, Phường Long Bình, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Điện thoại : 0251.8836503

Fax: 0251.3930044

Hotline: 0984926926

TK: 6720422790 Ngân hàng BIDV - CN Nam Đồng Nai

TK: 1600201453340 Ngân hàng Agribank - CN Sài Gòn

MST: 3603221565

## **BẢNG GIÁ SƠN HẢI ÂU**

*Được áp dụng từ ngày 01 tháng 7 năm 2025*

| TT | Loại sơn               | Mã sơn | Loại lon 1 Lít<br>(Đồng/Lít)                                                                                                                                                               | Loại thùng 5 Lít<br>(Đồng/Lít) | Loại thùng 20 Lít<br>(Đồng/Lít) |
|----|------------------------|--------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|---------------------------------|
|    |                        |        | Thành tiền                                                                                                                                                                                 | Thành tiền                     | Thành tiền                      |
| I  | SƠN ALKYD              |        | Sơn 1 thành phần: dễ thi công, dùng để bảo vệ và trang trí cho khung xương, hầm hàng và cabin tàu, kết cấu thép, công trình dân dụng... sơn có độ bám dính cao, bền màu và độ che phủ tốt. |                                |                                 |
| 01 | Sơn chống gỉ nâu mờ    | AKL501 | 65,556                                                                                                                                                                                     | 62,856                         | 60,696                          |
| 02 | Sơn chống gỉ nâu bóng  | AKL502 | 66,636                                                                                                                                                                                     | 63,936                         | 61,776                          |
| 03 | Sơn chống gỉ xám       | AKL702 | 69,012                                                                                                                                                                                     | 66,312                         | 64,152                          |
| 04 | Sơn phủ xanh ngọc      | AKP256 | 86,508                                                                                                                                                                                     | 83,808                         | 81,648                          |
| 05 | Sơn phủ xanh           | AKP247 | 89,640                                                                                                                                                                                     | 86,940                         | 84,780                          |
| 06 | Sơn phủ xanh           | AKP254 | 92,880                                                                                                                                                                                     | 90,180                         | 88,020                          |
| 07 | Sơn phủ xanh cẩm thạch | AKP262 | 81,864                                                                                                                                                                                     | 79,164                         | 77,004                          |
| 08 | Sơn phủ xanh lá cây    | AKP275 | 81,864                                                                                                                                                                                     | 79,164                         | 77,004                          |
| 09 | Sơn phủ xanh           | AKP282 | 86,724                                                                                                                                                                                     | 84,024                         | 81,864                          |
| 10 | Sơn phủ xanh dương     | AKP352 | 83,052                                                                                                                                                                                     | 80,352                         | 78,192                          |
| 11 | Sơn phủ xanh hoà bình  | AKP355 | 81,864                                                                                                                                                                                     | 79,164                         | 77,004                          |
| 12 | Sơn phủ xanh           | AKP381 | 83,052                                                                                                                                                                                     | 80,352                         | 78,192                          |
| 13 | Sơn phủ xanh           | AKP389 | 86,508                                                                                                                                                                                     | 83,808                         | 81,648                          |
| 14 | Sơn phủ xanh           | AKP395 | 102,816                                                                                                                                                                                    | 100,116                        | 97,956                          |
| 15 | Sơn phủ đen            | AKP450 | 69,012                                                                                                                                                                                     | 66,312                         | 64,152                          |
| 16 | Sơn phủ hồng           | AKP523 | 93,420                                                                                                                                                                                     | 90,720                         | 88,560                          |
| 17 | Sơn phủ đỏ nâu         | AKP550 | 78,300                                                                                                                                                                                     | 75,600                         | 73,440                          |
| 18 | Sơn hồng đơn           | AKP555 | 88,344                                                                                                                                                                                     | 85,644                         | 83,484                          |
| 19 | Sơn hồng đơn           | AKP574 | 90,396                                                                                                                                                                                     | 87,696                         | 85,536                          |
| 20 | Sơn phủ cam            | AKP586 | 96,660                                                                                                                                                                                     | 93,960                         | 91,800                          |
| 21 | Sơn phủ vàng           | AKP651 | 88,884                                                                                                                                                                                     | 86,184                         | 84,024                          |
| 22 | Sơn phủ vàng cam       | AKP653 | 94,716                                                                                                                                                                                     | 92,016                         | 89,856                          |
| 23 | Sơn phủ vàng cam       | AKP655 | 93,528                                                                                                                                                                                     | 90,828                         | 88,668                          |
| 24 | Sơn phủ vàng kem       | AKP669 | 88,344                                                                                                                                                                                     | 85,644                         | 83,484                          |
| 25 | Sơn phủ vàng           | AKP695 | 94,716                                                                                                                                                                                     | 92,016                         | 89,856                          |
| 26 | Sơn phủ xám            | AKP724 | 89,640                                                                                                                                                                                     | 86,940                         | 84,780                          |
| 27 | Sơn phủ xám đậm        | AKP750 | 78,300                                                                                                                                                                                     | 75,600                         | 73,440                          |
| 28 | Sơn phủ xám sáng       | AKP752 | 78,300                                                                                                                                                                                     | 75,600                         | 73,440                          |
| 29 | Sơn phủ xám            | AKP761 | 82,404                                                                                                                                                                                     | 79,704                         | 77,544                          |
| 30 | Sơn phủ trắng          | AKP790 | 84,888                                                                                                                                                                                     | 82,188                         | 80,028                          |

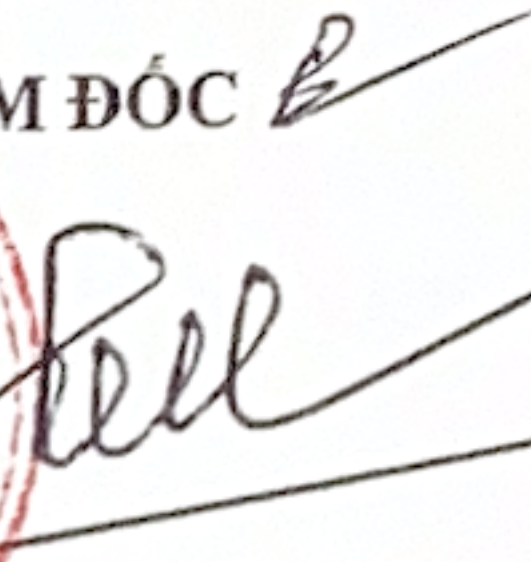
| TT          | Loại sơn                           | Mã sơn | Loại lon 1 Lít<br>(Đồng/Lít)                                                                                                                                                        | Loại thùng 5 Lít<br>(Đồng/Lít) | Loại thùng 20 Lít<br>(Đồng/Lít) |
|-------------|------------------------------------|--------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|---------------------------------|
|             |                                    |        | Thành tiền                                                                                                                                                                          | Thành tiền                     | Thành tiền                      |
| <b>II</b>   | <b>SƠN ALKYD NHANH KHÔ</b>         |        | <b>Sơn 1 thành phần: nhanh khô, rút ngắn thời gian thi công, chống gỉ hiệu quả</b>                                                                                                  |                                |                                 |
| 01          | Sơn chống gỉ nâu (1/4,5/18 lít)    | AKC501 | 62,100                                                                                                                                                                              | 59,400                         | 57,240                          |
| 02          | Sơn ch. gỉ xám sáng (1/4,5/18 lít) | AKC702 | 61,344                                                                                                                                                                              | 58,644                         | 56,484                          |
| <b>III</b>  | <b>SƠN SÀN BÊ TÔNG</b>             |        | <b>Sơn 2 thành phần: Lót nền, sàn bê tông nhà kho, nhà xưởng.</b>                                                                                                                   |                                |                                 |
| 01          | Sơn lót bê tông (4/20 lít)         | FE1609 |                                                                                                                                                                                     | 138,240                        | 136,080                         |
| 02          | Sơn lót bê tông                    | HFE900 | 125,820                                                                                                                                                                             | 123,120                        | 120,960                         |
| <b>IV</b>   | <b>SƠN ALKYD BIẾN TÍNH</b>         |        | <b>Sơn 1 thành phần: Sơn nhanh khô, độ bền cao, chịu thời tiết, chịu nước, chịu dầu, chịu mặn tốt, áp dụng bên trong và Cabin tàu, công trình công nghiệp</b>                       |                                |                                 |
| 01          | Sơn lót chống gỉ nâu               | AUL503 | 89,208                                                                                                                                                                              | 86,508                         | 84,348                          |
| 02          | Sơn chống gỉ xám                   | AUL702 | 91,584                                                                                                                                                                              | 88,884                         | 86,724                          |
| 03          | Sơn phủ xanh lá cây                | AUP275 | 99,360                                                                                                                                                                              | 96,660                         | 94,500                          |
| 04          | Sơn phủ xanh dương                 | AUP352 | 94,716                                                                                                                                                                              | 92,016                         | 89,856                          |
| 05          | Sơn phủ hoà bình                   | AUP355 | 96,120                                                                                                                                                                              | 93,420                         | 91,260                          |
| 06          | Sơn phủ đen                        | AUP450 | 87,264                                                                                                                                                                              | 84,564                         | 82,404                          |
| 07          | Sơn phủ xanh cỏ úa                 | AUP452 | 96,120                                                                                                                                                                              | 93,420                         | 91,260                          |
| 08          | Sơn phủ đỏ nâu                     | AUP550 | 92,232                                                                                                                                                                              | 89,532                         | 87,372                          |
| 09          | Sơn phủ đỏ cờ                      | AUP551 | 111,024                                                                                                                                                                             | 108,324                        | 106,164                         |
| 10          | Sơn phủ vàng cam                   | AUP653 | 109,836                                                                                                                                                                             | 107,136                        | 104,976                         |
| 11          | Sơn phủ vàng kem                   | AUP669 | 108,000                                                                                                                                                                             | 105,300                        | 103,140                         |
| 12          | Sơn phủ xám đậm                    | AUP750 | 93,960                                                                                                                                                                              | 91,260                         | 89,100                          |
| 13          | Sơn phủ xám sáng                   | AUP752 | 93,960                                                                                                                                                                              | 91,260                         | 89,100                          |
| 14          | Sơn phủ trắng                      | AUP790 | 102,816                                                                                                                                                                             | 100,116                        | 97,956                          |
| 15          | Sơn phủ nhũ bạc                    | AUP950 | 103,680                                                                                                                                                                             | 100,980                        | 98,820                          |
| <b>V</b>    | <b>SƠN CAO SU CLO HÓA</b>          |        |                                                                                                                                                                                     |                                |                                 |
| 1           | Sơn chống gỉ                       | CSL601 | 115,020                                                                                                                                                                             | 112,320                        | 110,160                         |
| <b>VI</b>   | <b>SƠN CHỐNG HÀ</b>                |        |                                                                                                                                                                                     |                                |                                 |
| 01          | Sơn chống hà (1/5/15 lít)          | AF3557 | 404,460                                                                                                                                                                             | 401,760                        | 399,600                         |
| 02          | Sơn chống hà tàu gỗ (1/5/25kg)     | AF2566 | 217,080                                                                                                                                                                             | 208,440                        | 204,120                         |
| <b>VII</b>  | <b>SƠN CHỊU NHIỆT</b>              |        | <b>Sơn 1 thành phần gốc Silicone: bảo vệ các trang thiết bị thường xuyên tiếp xúc nhiệt độ cao.</b>                                                                                 |                                |                                 |
| 01          | Sơn nhũ bạc ( 300°C)               | SK3950 | 224,640                                                                                                                                                                             | 221,940                        | 219,780                         |
| 02          | Sơn nhũ bạc ( 600°C)               | SK6950 | 254,340                                                                                                                                                                             | 251,640                        | 249,480                         |
| 03          | Sơn nhũ đen ( 400°C)               | SK4450 | 429,840                                                                                                                                                                             | 427,140                        | 424,980                         |
| <b>VIII</b> | <b>SƠN EPOXY</b>                   |        | <b>Sơn cao cấp 2 thành phần gốc Epoxy: chống ăn mòn, chịu nước mặn, kháng hóa chất tốt, bảo vệ vỏ tàu, kết cấu sắt thép các khu vực thường xuyên tiếp xúc với nước, hóa chất...</b> |                                |                                 |
| 01          | Sơn ch. gỉ giàu kẽm (1/3,5/15 lít) | EP1701 | 295,380                                                                                                                                                                             | 292,680                        | 290,520                         |
| 02          | Sơn chống gỉ kẽm photphat          | EP2702 | 155,736                                                                                                                                                                             | 153,036                        | 150,876                         |
| 03          | Sơn lót chống gỉ (hàm rắn cao)     | EPH706 | 185,220                                                                                                                                                                             | 182,520                        | 180,360                         |
| 04          | Sơn chống gỉ nâu                   | EP2502 | 132,300                                                                                                                                                                             | 129,600                        | 127,440                         |

2215  
CÔNG  
HÀNH  
HỘI TH  
SƠN  
Y HOA

| TT | Loại sơn               | Mã sơn | Loại lon 1 Lít<br>(Đồng/Lít)                                                                                                                                              | Loại thùng 5 Lít<br>(Đồng/Lít) | Loại thùng 20 Lít<br>(Đồng/Lít) |
|----|------------------------|--------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|---------------------------------|
|    |                        |        | Thành tiền                                                                                                                                                                | Thành tiền                     | Thành tiền                      |
| 05 | Sơn chống gỉ vàng      | EP2605 | 146,988                                                                                                                                                                   | 144,288                        | 142,128                         |
| 06 | Sơn phủ xanh ngọc      | EP3256 | 156,492                                                                                                                                                                   | 153,792                        | 151,632                         |
| 07 | Sơn phủ xanh cẩm thạch | EP3262 | 162,000                                                                                                                                                                   | 159,300                        | 157,140                         |
| 08 | Sơn phủ xanh lá        | EP3275 | 162,000                                                                                                                                                                   | 159,300                        | 157,140                         |
| 09 | Sơn phủ xanh           | EP3280 | 157,788                                                                                                                                                                   | 155,088                        | 152,928                         |
| 10 | Sơn phủ xanh           | EP3282 | 153,900                                                                                                                                                                   | 151,200                        | 149,040                         |
| 11 | Sơn phủ xanh dương     | EP3352 | 156,600                                                                                                                                                                   | 153,900                        | 151,740                         |
| 12 | Sơn phủ xanh hòa bình  | EP3355 | 151,524                                                                                                                                                                   | 148,824                        | 146,664                         |
| 13 | Sơn phủ xanh dương     | EP3380 | 155,844                                                                                                                                                                   | 153,144                        | 150,984                         |
| 14 | Sơn phủ đen            | EP3450 | 148,608                                                                                                                                                                   | 145,908                        | 143,748                         |
| 15 | Sơn phủ cỏ úa          | EP3452 | 156,492                                                                                                                                                                   | 153,792                        | 151,632                         |
| 16 | Sơn phủ đỏ nâu         | EP3550 | 158,652                                                                                                                                                                   | 155,952                        | 153,792                         |
| 17 | Sơn phủ đỏ             | EP3551 | 167,724                                                                                                                                                                   | 165,024                        | 162,864                         |
| 18 | Sơn phủ hồng đơn       | EP3555 | 166,212                                                                                                                                                                   | 163,512                        | 161,352                         |
| 19 | Sơn phủ hồng đơn       | EP3574 | 164,808                                                                                                                                                                   | 162,108                        | 159,948                         |
| 20 | Sơn phủ vàng cam       | EP3653 | 170,100                                                                                                                                                                   | 167,400                        | 165,240                         |
| 21 | Sơn phủ vàng           | EP3655 | 163,404                                                                                                                                                                   | 160,704                        | 158,544                         |
| 22 | Sơn phủ vàng kem       | EP3669 | 160,596                                                                                                                                                                   | 157,896                        | 155,736                         |
| 23 | Sơn phủ xám đậm        | EP3750 | 158,004                                                                                                                                                                   | 155,304                        | 153,144                         |
| 24 | Sơn phủ xám sáng       | EP3752 | 158,004                                                                                                                                                                   | 155,304                        | 153,144                         |
| 25 | Sơn phủ xám            | EP3761 | 158,004                                                                                                                                                                   | 155,304                        | 153,144                         |
| 26 | Sơn phủ xám            | EP3763 | 158,004                                                                                                                                                                   | 155,304                        | 153,144                         |
| 27 | Sơn phủ xám            | EP3789 | 144,828                                                                                                                                                                   | 142,128                        | 139,968                         |
| 28 | Sơn phủ trắng          | EP3790 | 164,700                                                                                                                                                                   | 162,000                        | 159,840                         |
| 29 | Sơn phủ nhũ bạc        | EP3950 | 150,984                                                                                                                                                                   | 148,284                        | 146,124                         |
| IX | SON POLYURETHANE (PU)  |        | Sơn cao cấp 2 thành phần gốc PU: rất bền với thời tiết và UV, màng sơn láng bóng, đàn cứng, bền trong môi trường xâm thực mạnh và chịu được tác động cơ học cường độ cao. |                                |                                 |
| 01 | Sơn phủ xanh lá cây    | PUM275 | 164,268                                                                                                                                                                   | 161,568                        | 159,408                         |
| 02 | Sơn phủ xanh dương     | PUM352 | 162,972                                                                                                                                                                   | 160,272                        | 158,112                         |
| 03 | Sơn phủ đen            | PUM450 | 173,340                                                                                                                                                                   | 170,640                        | 168,480                         |
| 04 | Sơn phủ đỏ             | PUM551 | 185,760                                                                                                                                                                   | 183,060                        | 180,900                         |
| 05 | Sơn phủ vàng cam       | PUM653 | 172,260                                                                                                                                                                   | 169,560                        | 167,400                         |
| 06 | Sơn phủ vàng kem       | PUM669 | 171,828                                                                                                                                                                   | 169,128                        | 166,968                         |
| 07 | Sơn phủ xám đậm        | PUM750 | 162,972                                                                                                                                                                   | 160,272                        | 158,112                         |
| 08 | Sơn phủ xám sáng       | PUM752 | 162,972                                                                                                                                                                   | 160,272                        | 158,112                         |
| 09 | Sơn phủ xám            | PUM761 | 179,820                                                                                                                                                                   | 177,120                        | 174,960                         |
| 10 | Sơn phủ xám            | PUM789 | 182,844                                                                                                                                                                   | 180,144                        | 177,984                         |
| 11 | Sơn phủ trắng          | PUM790 | 175,932                                                                                                                                                                   | 173,232                        | 171,072                         |
| 12 | Sơn phủ đen            | PUP450 | 183,708                                                                                                                                                                   | 181,008                        | 178,848                         |
| 13 | Sơn phủ vàng cam       | PUP653 | 202,392                                                                                                                                                                   | 199,692                        | 197,532                         |
| 14 | Sơn phủ vecni          | PUP900 | 168,156                                                                                                                                                                   | 165,456                        | 163,296                         |
| X  | DUNG MÔI PHA SƠN       |        |                                                                                                                                                                           |                                |                                 |
| 01 | Dung môi sơn Alkyd     | DMAS02 | 44,820                                                                                                                                                                    | 42,228                         | 40,500                          |

| TT | Loại sơn                 | Mã sơn | Loại lon 1 Lít<br>(Đồng/Lít) | Loại thùng 5 Lít<br>(Đồng/Lít) | Loại thùng 20 Lít<br>(Đồng/Lít) |
|----|--------------------------|--------|------------------------------|--------------------------------|---------------------------------|
|    |                          |        | Thành tiền                   | Thành tiền                     | Thành tiền                      |
| 02 | Dung môi sơn Epoxy       | DMES03 | 61,020                       | 58,320                         | 56,160                          |
| 03 | Dung môi sơn Caosuclohoá | DMCS02 | 53,460                       | 50,760                         | 48,600                          |
| 04 | Dung môi sơn PU          | DMPS02 | 55,620                       | 52,920                         | 50,760                          |

- \* Các sản phẩm được đặt hàng theo yêu cầu cụ thể hoặc ngoài danh mục sẽ được báo giá riêng.
- \* Bảng giá trên đã bao gồm Thuế VAT.
- \* Miễn phí giao hàng (đơn hàng 200 lít) tại các khu vực có khoảng cách dưới 50Km từ Nhà máy.
- \* Giao hàng tại khu vực khác: Quý khách sẽ được thông báo mức phí cụ thể trước khi xác nhận đơn.


**GIÁM ĐỐC**  
  
**Đại tá Nguyễn Đức Hiếu**

